



## **BIẾN ĐỘNG CHÍNH TRỊ TRONG NƯỚC VÀ CÁC SẮC DÂN THIỂU SỐ: TRƯỜNG HỢP NGƯỜI VIỆT TẠI CAMPUCHIA**

**Nguồn:** Ramses Amer (2013). "Domestic Political Change and Ethnic Minorities – A Case Study of the Ethnic Vietnamese in Cambodia", *Asia-Pacific Social Science Review*, Vol. 13, No. 2, pp. 87-101.

**Biên dịch:** Đỗ Hải Yến | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Bài nghiên cứu này phân tích ảnh hưởng của biến động chính trị trong nước đối với các tộc người thiểu số thông qua một nghiên cứu tình huống về người Việt tại Campuchia. Nghiên cứu khảo sát những diễn biến và thay đổi trọng yếu về chính trị ở Campuchia kể từ thập niên 1950 và ảnh hưởng của chúng lên tình hình người Việt tại đất nước này. Quan điểm chống người Việt không những được giới tinh hoa Campuchia thường xuyên bày tỏ mà còn được phản ánh trong những chính sách của nhà cầm quyền Campuchia. Nguồn gốc của các quan điểm này cũng như ảnh hưởng của chúng đối với các chính sách sẽ được tìm hiểu trong bài nghiên cứu. Dòng quan điểm (discourse) chính trị trong nước tại Campuchia đã thể hiện giọng điệu chống người Việt, không những hướng đến Việt Nam mà đến cả người Việt tại Campuchia. Tính liên tục và/hoặc thay đổi trong dòng quan điểm này cũng như những hàm ý của nó cũng sẽ được tìm hiểu trong bài viết.

Mục tiêu chính của nghiên cứu này<sup>1</sup> là phân tích ảnh hưởng của biến động chính trị trong nước ở Campuchia<sup>2</sup> đối với người Việt<sup>3</sup> tại đất nước này. Những diễn biến

<sup>1</sup> Nghiên cứu này dựa trên các nghiên cứu trước đây về cộng đồng người Việt ở Campuchia, tham khảo Amer (1994b, 2006). Nghiên cứu cũng dựa trên các phần liên quan thuộc các nghiên cứu về quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam (tham khảo Amer, 1997; 2010).

<sup>2</sup> Thuật ngữ Campuchia được sử dụng xuyên suốt nghiên cứu, trừ khi cần phân biệt giữa các chính phủ hay các đảng chính trị khác nhau của Campuchia.

chính trị tại Campuchia kể từ thập niên 1950 và ảnh hưởng của chúng lên tình hình người Việt sẽ được khảo sát. Giới tinh hoa Campuchia thường xuyên bày tỏ quan điểm chống người Việt. Nghiên cứu sẽ khảo sát nguồn gốc của những quan điểm này và ảnh hưởng của chúng lên các chính sách của Campuchia đối với người Việt. Dòng quan điểm chống người Việt ở Campuchia chỉ ra rằng nhận thức của giới tinh hoa Campuchia về Việt Nam với tư cách một nhà nước đã tác động đến các thái độ của họ về người Việt và các thái độ này đã ảnh hưởng đến việc hoạch định chính sách liên quan đến nhóm người thiểu số này. Các chính sách phân biệt đối xử do nhà cầm quyền Campuchia thực hiện và các vụ tấn công do các chính sách này khuyến khích đã dẫn đến việc xóa bỏ chính thức cộng đồng người Việt vào những năm 1970, thời điểm khoảng 420.000 người Việt bị trục xuất hoặc phải chạy trốn về Việt Nam. Thập niên 1980, người Việt có xu hướng quay trở lại Campuchia. Các vụ tấn công vì động cơ chính trị nhằm vào người Việt được tiến hành nhiều lần vào thập niên 1990 và chúng đặt ra một mối đe dọa thực sự cho cộng đồng người Việt. Dòng quan điểm chính trị trong nước tại Campuchia đã thể hiện giọng điệu chống người Việt, không những hướng đến Việt Nam mà đến cả người Việt tại Campuchia. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp liên quan đến một số đảng đối lập. Nghiên cứu sẽ tìm hiểu tính liên tục và/hoặc thay đổi trong dòng quan điểm chính trị này.

Cách tiếp cận phương pháp luận là định tính. Phương pháp này được tiến hành thông qua một nghiên cứu tình huống phân tích, trong đó có so sánh giữa các giai đoạn khác nhau. Cách tiếp cận phương pháp luận này cho phép phân tích sâu hơn về vấn đề nghiên cứu đồng thời tính đến tính liên tục và thay đổi xuyên suốt giai đoạn được nghiên cứu.

Phần thực nghiệm của nghiên cứu này được cấu trúc theo thời gian. Phần phân tích của nghiên cứu phục vụ hai mục tiêu chính. Mục tiêu đầu là phân tích các chính sách đối với người Việt trong bối cảnh các diễn biến trong nước nói chung cũng như các phương diện hữu quan của quan hệ với Việt Nam. Mục tiêu thứ hai là đánh giá tác động của quan điểm chống người Việt tại Campuchia và những thách thức mà nó đặt ra đối với việc bảo vệ sắc dân thiểu số này. Trong bài nghiên cứu này, trọng tâm được đặt nặng vào phần phân tích hơn so với phần thực nghiệm.

---

<sup>3</sup> Thuật ngữ “người Việt” chỉ nhóm dân tộc lớn nhất tại Việt Nam, đó là dân tộc “Kinh”, và không chỉ các tộc người thiểu số ở đất nước này. Định nghĩa này bắt nguồn từ Quyết định số 121 – TCTK/PPCD về “Danh mục các dân tộc Việt Nam” do Tổng cục Thống kê ban hành ngày 2/3/1979 (Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 1985, trang 45-41).

## **Người Việt tại Campuchia từ thời điểm độc lập năm 1953<sup>4</sup>**

### ***Thời kỳ Sihanouk: 1953 đến 1970***

Sau khi Campuchia giành được độc lập từ tay Pháp vào năm 1953, nhà cầm quyền Campuchia nỗ lực điều chỉnh hoạt động của các cộng đồng nhập cư trong nước, trong đó có người Việt. Campuchia buộc đa số họ phải nhập tịch Campuchia. Quan hệ của Campuchia với hai chính quyền Việt Nam trở thành vấn đề ngày càng gây quan ngại khi chiến tranh Việt Nam leo thang vào thập niên 1960, kéo theo sự gia tăng quan điểm chống người Việt. Khó có thể xác định chắc chắn quy mô của cộng đồng người Việt do những tiêu chuẩn được áp dụng để phân loại các nhóm sắc tộc là khác nhau. Theo các cuộc điều tra dân số chính thức dùng quốc tịch làm cơ sở phân loại chẳng hạn thì có 217.774 người Việt vào năm 1962. Ước tính đáng tin cậy nhất thể hiện số người Việt tại Campuchia là khoảng 450.000 vào cuối những năm 1960, trên tổng dân số khoảng 7.300.000 người (Migozzi, 1973).

### ***Cộng hòa Khmer: 1970 đến 1975***

Sau một cuộc khủng hoảng chính trị ngày càng sâu sắc, Hoàng thân Norodom Sihanouk bị phế truất khỏi vị trí Nguyên thủ Quốc gia vào tháng 3 năm 1970 và Cộng hòa Khmer được thành lập. Việc phế truất được tiến hành khi một chiến dịch tuyên truyền chống người Việt đang diễn ra. Trên thực tế, chỉ trích đối với Sihanouk phần lớn tập trung vào lập trường được cho là ủng hộ người Việt của ông. Chiến dịch tuyên truyền chống lại cộng đồng người Việt sớm chuyển thành các cuộc bạo động và tấn công khắp đất nước Campuchia. Nhà cửa, thuyền bè, tài sản và các đền thờ tôn giáo của người Việt bị tấn công. Văn phòng và nơi ở tại Phnom Penh của các đại diện ngoại giao từ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Việt Nam DCCCH) (miền Bắc) và Chính phủ Cách mạng Lâm thời hình thành bên trong Việt Nam Cộng hòa (Việt Nam CH) (miền Nam), bị cướp phá. Bạo lực chống lại người Việt leo thang khi các phần tử thuộc lực lượng vũ trang và cảnh sát tham gia vào các vụ tấn công và tàn sát. Đây là nguyên nhân gây nên cái chết của hàng ngàn người Việt.

Thay vì bảo vệ người Việt, nhà cầm quyền mới của Campuchia đề xuất nhiều biện pháp phân biệt đối xử. Người Việt chỉ được phép đi lại từ 7 đến 11 giờ sáng, họ không thể đến trường và đi làm. Ngư dân người Việt bị thu hồi giấy phép đánh bắt. Các tổ chức công và tư cũng như những người sống trong nhà ở thuộc sở hữu

---

<sup>4</sup> Để biết thêm mô tả bao quát thực tế về thời kỳ 1953-1993, tham khảo Amer (1994b, trang 210-238). Trừ khi có tuyên bố khác, thông tin liên quan đến giai đoạn này được lấy từ Amer (1994b). Để biết thêm mô tả bao quát thực tế về thời kỳ 1994 đến đầu những năm 2000, tham khảo Amer (2006, trang 388-409). Trừ khi có tuyên bố khác, thông tin liên quan đến giai đoạn này được lấy từ Amer (2006). Để biết các nguồn tài liệu tham khảo được sử dụng, xem Amer (1994, 2006).

nhà nước bị cấm thuê mướn lao động người Việt. Ngoài ra, nhà cầm quyền khuyến cáo không được dùng tiếng Việt nơi công cộng.

Nhà cầm quyền Việt Nam CH đã can thiệp một cách chính thức. Nhà cầm quyền Campuchia dần nhận thức được hậu quả quốc tế tiêu cực của các vụ tấn công nhằm vào người Việt và điều này đã kéo theo một sự thay đổi về quan điểm. Nhà cầm quyền Campuchia kêu gọi người dân tích cực bảo vệ người Việt trên tinh thần duy trì mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân hai nước. Việt Nam CH và chính quyền Campuchia đã đạt được một thỏa thuận về vấn đề người Việt ở Campuchia vào ngày 27 tháng 5 năm 1970.

Bất chấp những tín hiệu mới, người Việt tiếp tục trốn chạy khỏi nơi ở của mình và tìm chốn nương náu trong 18 trại tị nạn vốn được thành lập tại một số thành phố Campuchia – chủ yếu là ở Phnom Penh – nhằm đương đầu với dòng người tị nạn trong nước. Tháng 5 năm 1970, lượng người trong các trại tị nạn lên đến con số đỉnh điểm 90.000. Từ tháng 5 đến tháng 8 năm 1970, số người tị nạn này được trả về Việt Nam CH. Ngày 13 tháng 8, trại tị nạn cuối cùng bị đóng cửa tại Phnom Penh. Tuy nhiên, cuộc di cư của người Việt từ Campuchia vẫn tiếp tục và tới cuối tháng 9 năm 1970, tổng cộng 197.378 người Việt đã chính thức trở về Việt Nam CH. Theo nhà cầm quyền Việt Nam CH, 28% số người hồi hương tuyên bố họ là công dân Campuchia. Trên thực tế, nhà cầm quyền Việt Nam CH ước tính 300.000 người Việt sống ở Campuchia trước cuộc di tản đã mang quốc tịch Campuchia. Tháng 3 năm 1971, Việt Nam CH chính thức ước tính khoảng 250.000 người Việt từ Campuchia đã được hồi hương (Pouvatchy, 1976).<sup>5</sup>

### ***Campuchia Dân chủ: 1975 đến 1979***

Sau cuộc chiến tranh lâu dài và gian khổ, Chính phủ Hoàng gia của Liên minh Quốc gia Campuchia do Đảng Cộng sản Campuchia (ĐCS Campuchia) dẫn dắt đã chiếm được thủ đô Phnom Penh vào ngày 17 tháng 4 năm 1975 và đánh bại Cộng hòa Khmer. ĐCS Campuchia dần kiểm soát toàn bộ quyền lực chính trị trong nước. Đất nước được đổi tên thành Campuchia Dân chủ. Người Việt tiếp tục phải di tản khi có khoảng 170.000 người bị trục xuất khỏi Campuchia vào năm 1975. Ước tính có khoảng 200.000 người Việt vào giữa thập niên 1970, như vậy chỉ còn khoảng 30.000 người còn lưu lại Campuchia và đa số chết vì đói khát, bệnh tật hoặc bị hành hình trong khoảng thời gian từ 1975 đến 1978. Điều này có nghĩa là người

---

<sup>5</sup> Pouvatchy thể hiện sự hoài nghi đối với con số 300.000 người Việt có quốc tịch Campuchia mà ông cho là quá cao. Ông cũng lưu ý rằng nhà cầm quyền Campuchia “dường như” khuyến khích các công dân Campuchia gốc Việt rời khỏi đất nước này (Pouvatchy, 1976, trang 343).

Việt hầu như hoàn toàn biến mất khỏi Campuchia.<sup>6</sup> ĐCS Campuchia duy trì quyền lực cho đến khi bị lật đổ thông qua một cuộc can thiệp quân sự do Việt Nam khởi xướng vào ngày 25 tháng 12 năm 1978.

### ***Cộng hòa Nhân dân Campuchia/Nhà nước Campuchia: 1979 đến 1992***

Sau khi Phnom Penh sụp đổ vào đầu tháng 1 năm 1979, một chính quyền Campuchia mới được thành lập và sau đó đổi tên nước thành Cộng hòa Nhân dân Campuchia (CHND Campuchia). Thời kỳ của CHND Campuchia/Nhà nước Campuchia<sup>7</sup> kéo dài trên thực tế cho đến khi thành lập Chính quyền Quá độ của Liên Hiệp Quốc tại Campuchia vào tháng 3 năm 1992. Chính quyền gặp phải kháng cự vũ trang từ ba nhóm – lực lượng Campuchia Dân chủ bị lật đổ còn được biết đến là Đảng Campuchia Dân chủ, tức Khmer Đỏ; Mặt trận Giải phóng Dân tộc Nhân dân Khmer; và Đảng Bảo hoàng FUNCINPEC. Họ thành lập Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ vào ngày 22 tháng 6 năm 1982.<sup>8</sup>

Trật tự mới thiết lập tại Campuchia vào đầu năm 1979 diễn ra với sự hỗ trợ lớn của Việt Nam và những người từng tị nạn ở Việt Nam thời kỳ 1975-1978 đã quay trở lại Campuchia. Tiến trình này không chỉ bao gồm người Khmer mà cả người Việt, dẫn đến sự tái xuất hiện của một bộ phận thiểu số người Việt ở Campuchia. Sự quay lại của người Việt đã gây ra lo ngại quốc tế khi người Việt được xem là một phần trong quá trình “Việt Nam hóa” đất nước này. Dù người Việt là những người từng bị buộc rời khỏi Campuchia suốt thập niên 1970 hay những người di cư mới, họ đều bị xem là một phần của kế hoạch lớn hơn của Việt Nam nhằm gây ảnh hưởng và thậm chí biến Campuchia thành thuộc địa.

Người Việt định cư tại Campuchia trở thành một trong những vấn đề chính trong luận điệu của các nhóm Campuchia chống lại CHND Campuchia/Nhà nước Campuchia cũng như ảnh hưởng của Việt Nam lên đất nước này. Đại sứ tại Liên Hiệp Quốc của Campuchia Dân chủ<sup>9</sup> đã đưa ra những ước tính về số người định cư Việt Nam vào năm 1979 là 300.000 và vào năm 1981 là 500.000. Năm 1984, Chủ tịch Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ, Hoàng thân Norodom Sihanouk, đưa ra con số 600.000. Năm 1986, ông cho rằng có 700.000 người Việt đã định cư tại Campuchia. Năm 1988, Son Sann, Thủ tướng Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân

---

<sup>6</sup> Năm 1978, Việt Nam yêu cầu Cao ủy Liên Hiệp Quốc về Người tị nạn (UNHCR) hỗ trợ nhằm đối phó với 341.400 người tị nạn đến từ Campuchia kể từ năm 1975. Trong số những người tị nạn này có 170.300 người Việt (Grant, 1979, trang 98).

<sup>7</sup> Ngày 30 tháng 4 năm 1989, CHND Campuchia chính thức đổi tên thành Nhà nước Campuchia.

<sup>8</sup> Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ đổi tên thành Chính phủ Quốc gia Campuchia vào tháng 2 năm 1990.

<sup>9</sup> Campuchia Dân chủ, chính quyền bị lật đổ tại Campuchia, được phép tiếp tục đại diện cho Campuchia tại Đại hội đồng từ năm 1979 và xuyên suốt thập niên 1980, chi tiết tham khảo Amer (1990; 1994a, trang 89-108).

chủ, tuyên bố con số năm trong khoảng 800.000 tới 1 triệu. Năm 1989, ông ta cho rằng có 1 triệu người Việt định cư ở Campuchia.

Năm 1983, các chính sách chính thức của CHND Campuchia đối với cư dân Việt Nam được phác họa trong một ấn phẩm của Bộ Ngoại giao (“Chính sách của Cộng hòa Nhân dân Campuchia”, 1983). CHND Campuchia ước tính tới giữa năm 1983, có khoảng 56.000 cư dân Việt Nam tại Campuchia và họ đã quay lại sau khi CHND Campuchia cho phép (“Chính sách của Cộng hòa Nhân dân Campuchia”, 1983, trang 7). Chính sách chính thức của CHND Campuchia đối với người Việt là nhằm quản lý chứ không phải ngăn chặn vấn đề di cư của người Việt sang Campuchia.

Có một sự chênh lệch đáng kể giữa tuyên bố của CHND Campuchia về 56.000 người Việt năm 1983 và xác nhận của Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ về 600.000 người định cư năm 1984. Cần lưu ý rằng năm 1984, tổng dân số Campuchia được ước tính vào khoảng 7,2 triệu người, tức là xấp xỉ ngang bằng với thời điểm cuối những năm 1960.

Văn liệu khoa học không đưa ra bất kỳ đánh giá rõ ràng nào về các số liệu hay quy mô thực tế của cộng đồng người Việt ở Campuchia. Một vài nhà nghiên cứu chỉ đơn giản trích dẫn những tuyên bố của Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ hoặc tìm cách chứng minh những tuyên bố này (Martin, 1984; Pouvatchy, 1984; “The Vietnamisation of Kampuchea”, 1984). Các nhà nghiên cứu khác đã đưa ra những ước tính khiêm tốn hơn so với Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ nhưng lại cao hơn số liệu của CHND Campuchia năm 1983. Theo những ước tính này, số người Việt dao động trong phạm vi từ 300.000 đến 450.000, tức là có quy mô thấp hơn hoặc ngang bằng thời điểm trước khi diễn ra hai cuộc di tản vào thập niên 1970 (Chandler, 1993; Tarr, 1992; Vickery, 1986).

### ***Chiến dịch Gìn giữ Hòa bình của Liên Hiệp Quốc: 1992 và 1993***

Sau một tiến trình hòa bình vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990 vốn đưa đến việc ký các Hiệp định Paris về Campuchia vào tháng 10 năm 1991, một chiến dịch gìn giữ hòa bình được tiến hành bởi Liên Hiệp Quốc tại Campuchia kể từ tháng 3 năm 1992, tức là khi Chính quyền Quá độ của Liên Hiệp Quốc tại Campuchia (UNTAC) chính thức được thành lập, cho đến tháng 9 năm 1993 khi sứ mệnh của UNTAC kết thúc sau khi một hiến pháp mới của Campuchia được Hội đồng Lập hiến thông qua.<sup>10</sup>

---

<sup>10</sup> Về tổng quan và đánh giá về chiến dịch gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp Quốc cũng như tiến trình hậu tuyến cử gấn liền với việc rút lui của UNTAC, tham khảo Amer (1993, trang 211-231; 1995).

Từ cuối tháng 6 năm 1992, quan điểm chống người Việt dường như gia tăng với tiếng nói áp đảo nhất từ các đại diện của Đảng Campuchia Dân chủ. Tuy nhiên, đại diện của Mặt trận Giải phóng Dân tộc Nhân dân Khmer cũng thể hiện quan điểm tương tự. Có vẻ như mục đích là nhằm tạo áp lực thúc giục UNTAC hành động và giải quyết những vấn đề mà họ nhận thức là vấn đề người Việt. Đầu tháng 7, Đảng Campuchia Dân chủ bắt đầu đem sự hiện diện của người Việt tại Campuchia vào lời chỉ trích của mình đối với Liên Hiệp Quốc, cho rằng UNTAC đang thờ ơ trước một đợt nhập cư được xem là ồ ạt và bất hợp pháp của người Việt. Đảng Campuchia Dân chủ cho rằng 700.000 người Việt đã có thể căn cứ Campuchia. Tư tưởng chống người Việt dường như được củng cố hơn khi một dòng người Việt đổ vào Campuchia do bị lôi cuốn bởi sự tự do hóa kinh tế và sự hiện diện của hàng ngàn viên chức UNTAC cũng như người nước ngoài có thu nhập cao.

Các bên trước đây của Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ (sau đổi thành Chính phủ Quốc gia Campuchia) cố gắng hạn chế số người Việt có khả năng tham gia vào các cuộc tổng tuyển cử theo kế hoạch. Điều này thể hiện rõ nhất trong cuộc thảo luận diễn ra trước khi Luật Bầu cử được thông qua vào năm 1992. Vấn đề những ai được phép bỏ phiếu trong các cuộc tổng tuyển cử của Campuchia đã khiến cho bốn bên Campuchia có mặt trong Hội đồng Quốc gia Tối cao phải bận tâm.<sup>11</sup> Ngày 5 tháng 8 năm 1992, Hội đồng Quốc gia Tối cao thông qua luật bầu cử do UNTAC soạn thảo. Luật bầu cử trao quyền bỏ phiếu cho mọi cá nhân 18 tuổi sinh ở Campuchia, có bố hoặc mẹ sinh tại đất nước này, hoặc trường hợp những người sinh ra ở nước ngoài thì phải có bố hoặc mẹ sinh ở Campuchia và ông hoặc bà cũng phải được sinh ra ở nước này. Điều này đã tạo nên một sửa đổi đối với các quy định của Hiệp định Paris về Campuchia, nêu rõ mọi cá nhân 18 tuổi sinh ở Campuchia hoặc là con của một người sinh ở Campuchia sẽ có đủ tư cách bỏ phiếu. Đảng Campuchia Dân chủ phản đối luật bầu cử chủ yếu vì luật này cho phép người Việt ở Campuchia được bỏ phiếu. Mục đích của luật là nhằm tước quyền bầu cử của những người Việt mới định cư, không phải người Việt sống tại đất nước này thời kỳ trước năm 1970.

Dòng quan điểm chính trị không phải là ví dụ duy nhất cho các hoạt động chống người Việt ở Campuchia. Tháng 4 và tháng 5 năm 1992, hai vụ tấn công vũ trang nhằm vào người Việt ở tỉnh Kompong Chhnang đã khiến bảy người chết. Vụ tấn công khác diễn ra vào ngày 21 tháng 7 tại tỉnh Kampot gây ra cái chết của tám người Việt. Vào tháng 10, các vụ tấn công vũ trang nhằm vào người Việt ở tỉnh Koh

---

<sup>11</sup> Tại một hội nghị tổ chức ở Jakarta vào ngày 9 và 10 tháng 9 năm 1990. Bốn đảng xung đột của Campuchia quyết định thành lập một Hội đồng Quốc gia Tối cao với 12 thành viên, sáu người từ Nhà nước Campuchia và hai người từ mỗi ba đảng còn lại – FUNCINPEC, Mặt trận Giải phóng Dân tộc Nhân dân Khmer và Đảng Campuchia Dân chủ (tức Khmer Đỏ).

Kong đã dẫn đến thương vong nhiều hơn nữa. Ba vụ tấn công khác nhằm vào người Việt cũng diễn ra vào tháng 10 và tháng 11 tại Sihanoukville. Hai vụ tấn công được đưa tin vào tháng 12, ngày 16 tại tỉnh Stung Treng và ngày 27 tại tỉnh Kompong Chhnang. Sau một thời gian không có vụ tấn công nào diễn ra vào tháng 1 và tháng 2, các đợt tấn công tăng lên đột ngột vào tháng 3 sau một tuyên bố của UNTAC vào ngày 1 tháng 3 rằng họ phát hiện ba người Việt từng phục vụ cho lực lượng Việt Nam tại Campuchia và là những người UNTAC xem là lực lượng nước ngoài. UNTAC yêu cầu Việt Nam đưa ba người này trở về với tư cách công dân Việt Nam. Trong suốt tháng 3, nhiều vụ tấn công được tiến hành nhằm vào người Việt ở Campuchia. Ngày 10 tháng 3, tại một ngôi làng ở tỉnh Siem Reap, một vụ tấn công đã khiến 33 người Việt thiệt mạng và 24 người bị thương. Hai vụ tấn công nữa nhằm vào người Việt được UNTAC báo cáo trong tháng 3. Lần thứ nhất vào ngày 24 tháng 3 tại tỉnh Kompong Chhnang. Lần thứ hai vào ngày 29 tháng 3, ít nhất bốn khu vực tại Phnom Penh mà những người nói tiếng Việt hay lui tới bị tấn công. Các vụ tấn công này khiến cho đông đảo người Việt bỏ chạy khỏi Campuchia từ cuối tháng 3, và tới ngày 28 tháng 4, tổng cộng 21.659 người đã vào Việt Nam thông qua các trạm kiểm soát của UNTAC. Các vụ tấn công vũ trang nhằm vào người Việt tiếp tục diễn ra vào tháng 4 và tháng 5. Thậm chí sau cuộc tuyển cử vào cuối tháng 5, các đợt tấn công vẫn được báo cáo vào tháng 6.<sup>12</sup>

Sau cuộc tuyển cử vào cuối tháng 5, các đảng chính trị đại diện trong Hội đồng Lập hiến đã thành lập Chính quyền Lâm thời chung – Chính phủ Quốc gia Campuchia Lâm thời – để điều hành đất nước cho đến khi một Hiến pháp mới được thông qua và Hội đồng Lập hiến được chuyển thành một hội đồng lập pháp. Ngày 1 tháng 7, Hội đồng Lập hiến bỏ phiếu tín nhiệm Chính phủ Lâm thời.

### ***Diễn biến sau Chiến dịch Gìn giữ Hòa bình***

Các diễn tiến chính trị không khiến cho các vụ tấn công làm người Việt thiệt mạng chấm dứt mà tấn công vẫn tiếp tục diễn ra vào các ngày 6, 8 và 10 tháng 7, đồng thời một vụ tấn công còn diễn ra vào tháng 8. Các vụ tấn công này đã dẫn đến những phản đối chính thức từ Việt Nam.

Trong suốt quá trình rút lui của UNTAC từ tháng 8 đến tháng 12 năm 1993, Hiến pháp mới của Campuchia đã được thông qua. Xem xét kỹ hơn Hiến pháp cho thấy nó không chứa đựng bất kỳ điều khoản nào quy định vấn đề bảo vệ nhân quyền hay bất kỳ nghĩa vụ và đặc quyền nào dành cho kiều dân nước ngoài sống ở

---

<sup>12</sup> Để biết thêm chi tiết về các vụ tấn công nhằm vào người Việt thời kỳ gìn giữ hòa bình, tham khảo Amer (1994b, trang 222-228).



Campuchia. Hiến pháp quy định các quyền và nghĩa vụ của công dân Campuchia mà không nhắc đến thành phần dân tộc của các công dân này.<sup>13</sup> Vì vậy, bản thân Hiến pháp không loại trừ bất cứ nhóm sắc tộc nào ra khỏi tư cách công dân Campuchia. Tuy nhiên, vào cuối tháng 9 năm 1993, có báo cáo cho thấy trong các tranh luận tại Quốc hội về vấn đề ai được xem là người Campuchia, các thành viên Quốc hội mở rộng khái niệm nhằm bao gồm người Chăm và người Hoa nhưng loại trừ người Việt. Vì vậy, địa vị cũng như quyền lợi của người Việt ở Campuchia tiếp tục là một vấn đề gây tranh cãi.

Từ tháng 9 năm 1993 đến tháng 3 năm 1994, không có vụ tấn công vũ trang nào nhằm vào người Việt để dẫn tới phản đối chính thức từ Việt Nam. Sau đó, đầu tháng 4, các vụ tấn công lại tiếp tục. Cũng vào tháng 4 năm 1994, một thông cáo chung Campuchia-Việt Nam được đưa ra khi chuyến thăm Campuchia của Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt kết thúc. Thông cáo tuyên bố rằng một tổ công tác sẽ được thành lập nhằm thảo luận và giải quyết vấn đề người Việt ở Campuchia theo pháp luật Campuchia và pháp luật quốc tế. Thông cáo cũng cho biết người Việt sẽ được đối xử như các kiều dân khác (BBC, 1994).

Suốt quãng thời gian còn lại của năm 1994, quan hệ giữa hai chính phủ tập trung vào vấn đề người Việt ở Campuchia, trước hết là liên quan đến các vụ tấn công nhằm vào người Việt kèm theo sự phản đối của Việt Nam trước các cuộc tàn sát người Việt, sau đó là liên quan đến Luật Di trú do Quốc hội Campuchia thông qua vào ngày 26 tháng 8.<sup>14</sup> Việc ban hành luật này làm gia tăng lo ngại từ phía Việt Nam rằng luật sẽ được áp dụng để chống lại người Việt.

Vụ tấn công đầu tiên của giai đoạn này diễn ra vào tháng 5 tại tỉnh Kompong Chhnang. Vụ tấn công thứ hai cũng xảy ra tại tỉnh này vào ngày 3 tháng 7. Vụ tấn công thứ ba xảy ra ngày 15 tháng 7 tại tỉnh Pursat. Vụ tấn công thứ tư diễn ra ngày 26 tháng 7 tại tỉnh Kampot. Một vụ tấn công khác xảy ra ngày 5 tháng 9 tại tỉnh Kandal. Vụ tấn công gây chết người tiếp theo xảy ra ngày 20 tháng 10 tại tỉnh Kompong Chhnang. Vụ tấn công gây chết người cuối cùng của năm 1994 diễn ra ngày 7 tháng 12 tại tỉnh Kandal.

Chuyến thăm của Thủ tướng thứ nhất Campuchia, Hoàng thân Norodom Ranariddh, tới Việt Nam vào tháng 1 năm 1995 đã đem lại cho hai nước cơ hội thảo luận về vấn đề người Việt ở cấp độ chính trị cao nhất. Họ đồng ý tổ chức một cuộc họp các chuyên gia để thảo luận về vấn đề. Campuchia cam kết rằng Luật Di trú sẽ không nhằm mục đích hạn chế hay trục xuất các kiều dân Việt Nam. Campuchia cũng tuyên bố sẽ cố gắng hết sức, tuân theo các quy định của Campuchia và trong

<sup>13</sup> Nguyên văn đầy đủ của "Hiến pháp Vương quốc Campuchia", tham khảo BBC (1993).

<sup>14</sup> Nguyên văn đầy đủ của luật, tham khảo Luật Di trú (1998, trang 113-129).

khả năng cho phép, đảm bảo an toàn cho người Việt tại Campuchia (BBC, 1995a, 1995b).

Cuộc họp đầu tiên của tổ công tác cấp chuyên gia về vấn đề người Việt ở Campuchia được tổ chức tại Phnom Penh vào ngày 29 và 30 tháng 3. Báo cáo cho hay hai bên đã có “những thảo luận thẳng thắn, thân tình” và đạt được “một số kết quả” (BBC, 1995c). Cuộc họp thứ hai được tổ chức ở Hà Nội vào ngày 28 và 29 tháng 7 đồng thời đi đến một thỏa thuận về các biện pháp ổn định cuộc sống cho số người Việt tị nạn tại Chrey Thom thuộc tỉnh Kandal. Hai bên cũng đồng ý tiếp tục thảo luận về các vấn đề khác. Sau đó vào ngày 28 tháng 10, Campuchia tuyên bố người Việt tạm cư ở Chrey Thom sẽ được gửi trả về các tỉnh thành của họ trong lãnh thổ Campuchia.

Đầu tháng 4 năm 1996, Thủ tướng Việt Nam Võ Văn Kiệt thăm chính thức Campuchia. Trong thông cáo báo chí được đưa ra trong chuyến thăm, các vấn đề về kiều dân Việt Nam tại Campuchia là chủ đề gây chú ý và hai bên nhất trí các tổ chuyên gia sẽ tổ chức cuộc họp thứ ba tại Phnom Penh càng sớm càng tốt. Nếu rất cục được tổ chức thì cuộc họp đã không được công khai.

Tháng 5 năm 1996, các vụ tấn công nhằm vào người Việt lại tái diễn và Việt Nam đã phản đối vụ giết hại 14 người Việt tại tỉnh Pursat. Sau đó vào đầu tháng 8, Việt Nam tuyên bố 50 kiều dân Việt Nam sống ở Campuchia đã quay về Việt Nam sau cuộc thăm sát 25 người Việt của Đảng Campuchia Dân chủ. Ngày 10 tháng 10, Đại sứ quán Việt Nam tại Phnom Penh phản đối vụ giết hại hai kiều dân Việt Nam tại tỉnh Kompong Chhnang.

Ngày 9 tháng 10 năm 1996, Luật Quốc tịch Campuchia được ban hành. Luật định rõ các tiêu chuẩn để mang quốc tịch Campuchia cũng như các yêu cầu mà người nước ngoài phải đáp ứng nhằm có được quốc tịch Campuchia, nghĩa là được nhập tịch.<sup>15</sup> Việt Nam không chính thức công khai bất kỳ quan ngại nào về cách thức luật sẽ được áp dụng đối với người Việt tại Campuchia.

Năm tháng cuối năm 1996 và bước sang năm 1997, quan hệ giữa hai nước đã cải thiện thông qua các chuyến viếng thăm lẫn nhau. Tháng 11 năm 1996, báo cáo cho hay Campuchia có các bước đi nhằm cấp giấy phép tạm cư cho người Việt đã có mặt tại đất nước này trước năm 1993. Trong giai đoạn này, chuyến viếng thăm quan trọng nhất diễn ra vào cuối tháng 2 năm 1997, khi Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đến thăm Campuchia. Hai bên nhất trí rằng các cuộc đàm phán nhằm tìm ra giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến kiều dân Việt Nam tại Campuchia sẽ được tiếp tục.

---

<sup>15</sup> Nguyên văn đầy đủ của luật, tham khảo Luật Quốc tịch (1998, trang 169-178). Văn bản cũng được in lại trong Nguyen và Sperfeldt (2012, trang 128-131).

Tình hình người Việt tại Campuchia vẫn khó giải quyết và đến cuối tháng 5 năm 1997, Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia chính thức phản đối nhà cầm quyền Campuchia về các vụ tấn công của Đảng Campuchia Dân chủ nhằm vào người Việt. Bốn vụ tấn công đầu tiên diễn ra ngày 22 tháng 4. Vụ tấn công thứ hai và thứ ba diễn ra ngày 27 tháng 4 tại tỉnh Ratanakiri. Vụ tấn công thứ tư cũng diễn ra tại tỉnh Ratanakiri vào tháng 5. Thêm nữa, bằng chứng cho tư tưởng chống người Việt là một vụ đánh bom nhằm vào đài tưởng niệm Quân Tình nguyện Việt Nam tại Sihanoukville.

Việc Thủ tướng thứ nhất, Hoàng thân Norodom Ranariddh, bị phế truất vào tháng 7 năm 1997 và việc bầu Ung Huot vào vị trí này đã đưa đến một giai đoạn quan hệ song phương được cải thiện. Nửa sau năm 1997 và quý đầu của năm 1998, không còn phản ứng nào từ Việt Nam trước các vụ tấn công nhằm vào người Việt ở Campuchia.

Sau đó vào tháng 4, Đảng Campuchia Dân chủ xác nhận đã giết hại 45 người và làm bị thương nhiều người Việt tại tỉnh Kompong Chhnang. Bằng chứng xa hơn về tình trạng bấp bênh của người Việt đó là tuyên bố chống người Việt của phe đối lập trong cuộc vận động bầu cử diễn ra trước cuộc tổng tuyển cử được tổ chức vào ngày 26 tháng 7 năm 1998. Căng thẳng chính trị giữa các đảng Campuchia dẫn đầu sau tuyển cử và quy trình khó khăn trong việc thành lập một chính phủ liên hiệp được biểu thị bằng những hành động chống lại người Việt. Đầu tiên là vụ tấn công Tượng đài Hữu nghị Việt Nam – Campuchia tại Phnom Penh vào cuối tháng 8. Tiếp theo là hai sự cố vào ngày 3 và 4 tháng 9 khiến ba người Việt thiệt mạng, năm người bị thương và 10 người bị bắt cóc tại Phnom Penh.

Việc thành lập một chính phủ liên hiệp mới tại Campuchia vào ngày 25 tháng 11 đã mở ra một thời kỳ mà ở đó tình hình chính trị ổn định hơn và các hành động nhằm vào người Việt cũng suy giảm. Đáng chú ý là bài diễn văn của Thủ tướng Hun Sen trước Quốc hội Campuchia về cương lĩnh của chính phủ liên hiệp mới vào ngày 30 tháng 11 năm 1998 có đoạn nêu rằng Chính phủ “tuyệt đối ngăn cấm tình trạng phân biệt chủng tộc, một hành động vi phạm pháp luật và nhân quyền” (BBC, 1998).

Giai đoạn từ tháng 12 năm 1998 đến tháng 7 năm 1999 diễn ra nhiều cuộc gặp cấp cao và vấn đề người Việt được đề cập trong các cuộc gặp này. Bất chấp các cuộc gặp cấp cao cũng như mối quan tâm của các cuộc gặp này về vấn đề người Việt ở Campuchia, các vụ tấn công nhằm vào người Việt vẫn diễn ra vào tháng 2 và tháng 3 năm 1999 tại khu vực Phnom Penh.

Đầu năm 2000, các quan điểm chống người Việt tại Campuchia lại có biểu hiện phục hồi với ba cuộc biểu tình do sinh viên Campuchia tiến hành vào tháng 1

năm 2000. Hai cuộc biểu tình diễn ra nhằm phản đối các thỏa thuận biên giới giữa Campuchia và Việt Nam được ký vào thập niên 1980, trong khi cuộc biểu tình thứ ba bên ngoài Đại sứ quán Việt Nam lại yêu cầu Đại sứ quán đưa các kiều dân Việt Nam ở Campuchia hồi hương. Vào tháng 3, các tăng ni và sinh viên tổ chức các cuộc biểu tình trước chùa Chak Angre Leu và trước Đại sứ quán Việt Nam tại Phnom Penh, thúc giục chính phủ Campuchia trục xuất những người Việt Nam sống ở khu vực chùa.

### ***Các vụ tấn công chấm dứt thời kỳ thập niên 2000***

Sau các sự kiện này, các vụ tấn công nhằm vào người Việt ở Campuchia giảm xuống. Trên thực tế, không còn những phản ứng công khai từ Việt Nam liên quan đến các mặt tiêu cực trong tình hình người Việt ở Campuchia, ngoại trừ một vụ hỏa hoạn đã phá hủy nhà cửa và ảnh hưởng đến bộ phận người Việt tại thủ đô Campuchia vào cuối năm 2001 (Amer, 2006).

Báo cáo từ các cuộc gặp cấp cao giữa Campuchia và Việt Nam chỉ nhắc đến chung chung hoặc không nhắc đến vấn đề người Việt kể từ những năm đầu thập niên 2000. Điều này cũng có thể nhận thấy trong các báo cáo từ các cuộc gặp cấp cao gần đây. Cụ thể, trong chuyến thăm Việt Nam của Quốc vương Campuchia Norodom Sihamoni vào tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng khi tiếp kiến Quốc vương “đã đề nghị Campuchia... tạo điều kiện thuận lợi để người Việt có được một cuộc sống ổn định tại Campuchia” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2012b, đoạn 12). Còn trong chuyến thăm Việt Nam của Chủ tịch Quốc hội Campuchia Heng Samrin vào tháng 7 năm 2012, Thủ tướng Việt Nam đề nghị Quốc hội Campuchia “tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho kiều dân Việt Nam sinh sống và làm việc tại Campuchia” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2012a, đoạn 11). Tuyên bố chung đưa ra trong chuyến thăm Campuchia vào tháng 12 năm 2011 của Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng có đoạn nêu rằng “hai bên quyết định tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi và đối xử bình đẳng với cư dân của nhau như các công dân nước ngoài khác” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2011b, đoạn 9). Ngoài ra, tuyên bố chung còn có đoạn: “Phía Việt Nam đánh giá cao cũng như biết ơn Chính phủ và nhân dân Campuchia vì đã tạo điều kiện pháp lý cho kiều dân Việt Nam sinh sống tại Campuchia” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2011b, đoạn 10). Các hoạt động của người Việt tại Campuchia cũng được Việt Nam nêu bật. Cụ thể, năm 2011, báo cáo cho hay đại hội đầu tiên của Hội Việt kiều Campuchia (HVKC) nhiệm kỳ 2011-2015 đã được tổ chức tại Phnom Penh vào đầu tháng 3 (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2011a). Một trong những báo cáo nhiều thông tin nhất của Việt Nam đã được đưa ra trong

chuyến thăm Campuchia của Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam kiêm Chủ tịch Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài Nguyễn Thanh Sơn diễn ra vào tháng 3 năm 2009. Trong cuộc gặp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ Campuchia Prum Sokha, vị Bộ trưởng được cho là đã “cam kết rằng Chính phủ Campuchia sẽ xem xét và đẩy nhanh tiến trình trao địa vị pháp lý cho kiều dân Việt Nam” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2009, đoạn 4). Ngoài ra, ông còn được trích lời nói rằng: “Chính phủ Campuchia đã linh hoạt áp dụng Luật Di trú 1994 và Luật Quốc tịch 1996 đối với người Việt ở Campuchia, nhờ đó đem lại điều kiện sống tốt hơn cho họ” (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2009, đoạn 4).

Cuộc bầu cử quốc hội vào tháng 7 năm 2003 dường như không được đánh dấu bằng luận điệu chống người Việt từ các đảng đối lập như các cuộc bầu cử trước đây mặc dù luận điệu này vẫn còn rõ ràng. Các hoạt động chống người Việt vẫn tồn tại ở đất nước này nhưng không còn những vụ tấn công gây chết người.<sup>16</sup> Xu hướng này có vẻ nổi trội sau bầu cử bất chấp những mối bất hòa sâu sắc giữa các đảng chính trị chủ chốt của Campuchia trước khi đảng Nhân dân Campuchia CPP và đảng Bảo hoàng FUNCINPEC đồng ý thành lập một chính phủ liên hiệp mới vào mùa hè năm 2004. Cuộc bầu cử quốc gia năm 2008 – mà kết quả là đảng CPP củng cố thêm vị trí áp đảo của mình bằng cách giành 90 ghế trong tổng số 123 ghế Quốc hội, tăng so với 73 ghế năm 2003 – có vẻ như ít có luận điệu bài người Việt so với các cuộc bầu cử trước đây.<sup>17</sup> Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là những định kiến dành cho người Việt biến mất trong xã hội Campuchia hay tất cả thành viên trong cộng đồng người Việt đều nhận thức rằng tình trạng phân biệt đối xử dành cho họ đã chấm dứt.<sup>18</sup>

## **Phân tích quan điểm của Campuchia và các chính sách đối với người Việt**

Không thể nghiên cứu tình hình người Việt ở Campuchia đơn thuần chỉ trong bối cảnh trong nước hoàn toàn. Vì vậy, những quan sát được đưa ra trong phân tích sau đây sẽ cố gắng nắm bắt mối tương tác giữa bối cảnh trong nước và bối cảnh

---

<sup>16</sup> Về cuộc tuyển cử năm 2003 và các hoạt động chống người Việt, tham khảo Albritton (2004, trang 106).

<sup>17</sup> Trong phân tích của bà về các sự kiện tại Campuchia năm 2008, Hughes (2009) không nêu bật khía cạnh luận điệu chống người Việt trong cuộc vận động bầu cử Quốc gia năm 2008. Bà cũng không nhắc đến sự bùng phát nào trong các hoạt động chống người Việt.

<sup>18</sup> Nhận thức của một số người Việt và cảm giác bị phân biệt đối xử được nêu bật trong một bài báo của Myers (2002), trong báo cáo của Nguyen và Sperfeldt (2012) và trong một bài báo của Seiff và Channyda (2013). Điều này cũng được ghi nhận trong một nghiên cứu của Ehrentraut (2011, trang 79) mặc dù bài báo của ông chủ yếu viết về các khía cạnh khác ngoài cảm nhận của người Việt.

liên nhà nước, nghĩa là quan hệ với Việt Nam, nhằm thể hiện tính phức tạp vốn định hình nên thái độ và chính sách của Campuchia đối với người Việt.

Các vụ tấn công có vũ trang nhằm vào người Việt thời kỳ thập niên 1990 thường được quy cho Đảng Campuchia Dân chủ (tức Khmer Đỏ - NHD), những kẻ đề ra hình thức tuyên truyền chống người Việt mang tính cực đoan nhất, kèm theo các vụ tấn công vũ trang đối với người Việt ở Campuchia, cho đến khi nhóm này dần chia rẽ và rốt cuộc tan rã vào cuối những năm 1990. Một số đảng chính trị cũng thể hiện quan điểm chống người Việt trong suốt các chiến dịch vận động bầu cử vào các năm 1993, 1998 và 2003, chẳng hạn như đảng FUNCINPEC trong cả ba cuộc tuyển cử và đảng Sam Rainsy (SRP) trong hai cuộc tuyển cử sau. Điều này nhìn chung đã góp phần kích động quan điểm bài Việt trong người dân nói chung. Luận điệu gắn liền với từ 'yuon', một từ có ý nghĩa miệt thị dành cho tất cả người Việt,<sup>19</sup> được cho là nguồn gốc của hầu hết các vấn đề cũng như hạn chế tại Campuchia, trở nên rõ ràng trong các cuộc vận động trước cuộc tổng tuyển cử vào năm 1998<sup>20</sup> và tái xuất hiện vào năm 2003.<sup>21</sup>

Tranh luận về địa vị và quyền lợi của người Việt trong xã hội Campuchia ngày nay về cơ bản có thể được quy cho là bắt nguồn từ tình cảm chống người Việt của các chính trị gia Campuchia. Đây không phải là những đặc điểm mới trong nền chính trị quốc gia Campuchia. Kể từ thời điểm độc lập năm 1953, các chính sách đối với người Việt đã mang tính phân biệt đối xử dù nhiều (Cộng hòa Khmer và Campuchia Dân chủ 1970-1978) hay ít (thời kỳ Sihanouk 1953-1970). Chỉ có thời kỳ CHND Campuchia/Nhà nước Campuchia mới được đặc trưng bởi các chính sách không phân biệt đối xử.

Các chính sách cực đoan được thực thi suốt thời kỳ Cộng hòa Khmer và Campuchia Dân chủ đã dẫn đến những cuộc thảm sát người Việt và khoảng 420.000 người phải di cư sang Việt Nam, dẫn đến việc xóa bỏ không chính thức cộng đồng người Việt ở Campuchia. Nếu xét tới các tác động bi thảm từ chính sách chống người Việt thời kỳ thập niên 1970, các vụ tấn công vũ trang lặp đi lặp lại nhằm vào người Việt trong suốt thập niên 1990 – mà hầu hết do Đảng Campuchia Dân chủ gây ra – thể hiện mối đe dọa thực tế và rõ rệt đối với cộng đồng người

---

<sup>19</sup> Lập luận ở đây không phải là tự thân từ *Yuon* đã mang tính phân biệt đối xử một cách tất yếu mà là cách nó được sử dụng trong luận điệu chính trị và thực tế rằng người Việt ở Campuchia đã phải chịu những vụ tấn công lặp đi lặp lại kể từ năm 1953 (Amer, 2010, trang 102, 112). Tham khảo thêm thảo luận trong Albritton (2004, trang 106).

<sup>20</sup> Về phân tích chi tiết cách thức truyền bá quan điểm chống Việt Nam và chống người Việt nổi bật của hai đảng đối lập chính trong cuộc vận động mở đường cho cuộc tổng tuyển cử năm 1998, tham khảo Hughes (2007, trang 45-68).

<sup>21</sup> Albritton (2004, trang 106) thảo luận về chiến dịch vận động tranh cử năm 2003 và nhìn chung là việc vận dụng luận điệu này của Hoàng thân Norodom Ranariddh và Sam Rainsy.

Việt nói chung. Điều này không có nghĩa là tất cả người Việt đều trở thành mục tiêu trực tiếp trong một hay nhiều vụ tấn công. Tuy nhiên, với con số thương vong của người Việt lên đến hàng trăm và các vụ tấn công diễn ra cả ở khu vực nông thôn và thành thị, mối đe dọa là có thật. Hơn nữa, không có dấu hiệu cho thấy sự phân biệt giữa người Việt mới đến và người Việt đã sống tại Campuchia trong một thời gian dài.<sup>22</sup>

Lập trường chống người Việt do các thể chế chính trị gia Campuchia thể hiện dường như vượt quá những bất đồng về ý thức hệ vì những người bảo hoàng, những nhà bảo thủ, những người theo chủ nghĩa tự do và những người cộng sản đều đã từng hoặc hiện tại đang thể hiện quan điểm chống người Việt.<sup>23</sup>

Một lối hành xử đáng báo động xuất hiện trong lòng xã hội Campuchia. Trước hết, giới chức Campuchia chính thức bộc lộ những bất mãn của mình về quan hệ với Việt Nam, và sau đó quan điểm chống người Việt phổ biến được thể hiện dưới hình thức các cuộc biểu tình và/hoặc các cuộc tấn công người Việt. Dường như có một mối liên hệ giữa sự xuất hiện các hành động chống người Việt với tình trạng căng thẳng chính trị nảy sinh giữa các đảng chính trị Campuchia với nhau trong thời gian trước và sau tổng tuyển cử, ví dụ như ở cả hai năm 1993 và 1998. Cuộc bầu cử năm 2003 cũng được đặc trưng bởi luận điệu chống người Việt và các hoạt động nhằm vào người Việt mặc dù không có vụ tấn công chết người nào diễn ra.

Ngoài ra, người Việt thường bị cáo buộc là khước từ hòa nhập vào xã hội Campuchia. Về truyền thống, có nhiều cuộc hôn nhân khác tộc Hoa-Khmer hơn là Việt-Khmer (Migozzi, 1973). Từ quan điểm của người Campuchia, đây là bằng chứng cho thấy người Việt từ chối hòa nhập hoàn toàn vào xã hội Campuchia. Tuy nhiên, nếu xét những tư tưởng bài Việt rộng khắp ở Campuchia, ắt hẳn người Khmer cũng miễn cưỡng không muốn kết hôn với người Việt, điều này đến lượt nó lại làm gia tăng tình trạng không hòa nhập của người Việt.

---

<sup>22</sup> Didier Bertrand đã nỗ lực phân chia người Việt ở Campuchia thành nhiều nhóm khác nhau và một trong những tiêu chuẩn chính ông sử dụng là khoảng thời gian sinh sống tại Campuchia. Ông lập luận rằng đa số (*la plupart*) người Việt sinh ở Campuchia được xem là “người Việt gốc Campuchia” (*Vietnamiens du Cambodge*) và họ xem bản thân là người Khmer. Nhóm người Việt này có vẻ là những người sinh sống ở Campuchia trước năm 1970 và sau đó quay trở về cũng như con cháu của họ. Bertrand nhận thấy rằng sau cuộc di cư bắt buộc, họ trở về Campuchia ngay khi có thể. Ông cũng lập luận rằng họ không có mối liên hệ gia đình tại Việt Nam (Bertrand, 1998, trang 30-32).

<sup>23</sup> Didier Bertrand có quan sát tương tự liên quan đến việc các chính trị gia Campuchia vận dụng luận điệu chống người Việt vì mục đích chính trị bất kể thành phần nào, từ những người bảo hoàng, những người theo chủ nghĩa cộng hòa và Khmer Đỏ (*royalistes, républicains et les Khmers Rouges*) (Bertrand, 1998, trang 39).

Một nguyên nhân khác của quan điểm tiêu cực chống người Việt là cuộc di cư của người Việt đến Campuchia trong những giai đoạn chịu sự ảnh hưởng mạnh từ nước ngoài, chẳng hạn thời kỳ CHND Campuchia/Nhà nước Campuchia với ảnh hưởng rộng khắp từ Việt Nam. Thậm chí trong thời kỳ gìn giữ hòa bình, các cuộc di cư cũng được cho là đã diễn ra khi Campuchia đang chịu ảnh hưởng mạnh từ “nước ngoài”. Điều này góp phần củng cố thêm nhận thức về người Việt như thể họ là đại diện cho điều gì đó xa lạ đồng thời củng cố tình trạng đồng nhất cộng đồng người Việt với các lợi ích cũng như thế lực nước ngoài tại Campuchia. Mỗi liên hệ giữa ảnh hưởng từ nước ngoài và việc di cư của người Việt đã thu hút sự chú ý của những kẻ phản đối sự hiện diện của người Việt và điều này đem lại một nhân tố bổ sung được dùng trong luận điệu bài Việt.

Quan điểm chống người Việt trở nên phổ biến trong các thành viên của giới tinh hoa Campuchia như có thể thấy trong các tranh luận chính trị và truyền thông. Nhưng có vẻ quan điểm ấy không bị giới hạn ở tầng lớp xã hội này, thể hiện qua các vụ tấn công của thường dân đối với người Việt tại nhiều khu vực trên cả nước vào năm 1970. Tuy nhiên, không nên xem các tuyên bố bài Việt của các nhà cầm quyền và các chính trị gia Campuchia là nhằm đáp lại sức ép từ tầng lớp dưới, vì các sự kiện năm 1970 được kích động bởi chính luận điệu bài Việt của nhà cầm quyền.

Nhiều nghiên cứu gợi ra rằng tình cảm bài Việt ở thành thị thường nặng nề hơn khu vực nông thôn (Comte, 1976; Goldblum, 1974; Tarr, 1992). Đương nhiên khó có thể đưa ra các khái quát hóa như vậy nhưng phát hiện này cần được xem xét nghiêm túc. Một giải thích cho những khác biệt giữa thành thị và nông thôn có thể là vì việc truyền bá quan điểm chống người Việt ở khu vực thành thị diễn ra sâu rộng hơn.

Quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam gắn kết chặt chẽ với tình hình người Việt ở Campuchia. Quan hệ song phương căng thẳng có thể đem lại những hậu quả rất tiêu cực cho người Việt, như đã được minh chứng trong lịch sử gần đây. Quả thực, thậm chí trong những giai đoạn quan hệ ở vào tình trạng khá tốt đẹp và khi các nỗ lực được thực hiện nhằm giải quyết các mối bất hòa còn tồn đọng, thì dường như vẫn có chỗ cho những tuyên bố kích động từ những người Campuchia có địa vị cao, điều vốn có thể châm ngòi cho những cuộc biểu tình chống người Việt trong công chúng. Điều này được minh chứng bằng những cáo buộc của Quốc vương Norodom Sihanouk đối với Việt Nam năm 1994 và cuộc biểu tình chống người Việt xảy ra sau đó tại Phnom Penh cũng như sự gia tăng các vụ tấn công nhắm vào người Việt sau những cáo buộc của Thủ tướng thứ nhất lúc đó là Hoàng



thân Norodom Ranariddh đối với Việt Nam trong giai đoạn nửa đầu năm 1996.<sup>24</sup> Vì thế có thể kết luận rằng, vì lợi ích của người Việt ở Campuchia, quan hệ giữa hai nước cần phải ở trong tình trạng thật tốt đẹp. Quan hệ song phương chưa đạt đến mức độ đó nhưng những nỗ lực thường xuyên ở cấp độ quốc hội và chính phủ đã dẫn tới quan hệ song phương nhìn chung đúng đắn. Tuy nhiên, vấn đề tranh chấp cốt lõi như đường biên giới giữa hai nước vẫn chưa được giải quyết. Một tiến triển tích cực liên quan đến biên giới đất liền là một Hiệp định Bổ sung ký ngày 10 tháng 10 năm 2005. Quan hệ song phương chính thức nhìn chung duy trì ổn định suốt thập niên 2000.<sup>25</sup>

Người Việt ở Campuchia là một đề tài trong chương trình nghị sự tại các cuộc gặp cấp cao giữa hai nước. Nguyên vọng của Việt Nam là đảm bảo người Việt không bị phân biệt đối xử tại Campuchia và phía Campuchia đã đưa ra những đảm bảo cho điều đó. Tuy nhiên, đem lại an ninh và sự bảo vệ hoàn toàn cho người Việt là điều bất khả thi, vì nhà cầm quyền Campuchia không thể tuyệt đối đảm bảo an toàn cho dân chúng nói chung. Với sự hiểu biết lẫn nhau liên quan đến việc không phân biệt đối xử chống lại người Việt ở Campuchia, ít nhất hai quốc gia vẫn có thể hợp tác đầy đủ trong vấn đề kiểm soát di cư bất hợp pháp qua biên giới.

Thú vị thay, trong cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Campuchia thời kỳ hậu UNTAC, cả hai bên nhất trí với quan điểm rằng người Việt ở Campuchia sẽ được xem là công dân Việt Nam. Ví dụ, Việt Nam đã gọi người Việt tại Campuchia là công dân Việt Nam, người Việt Nam, cư dân Việt Nam và người Việt Nam ở nước ngoài, cả bốn thuật ngữ đều để chỉ những người là công dân Việt Nam.<sup>26</sup> Nhận thức song phương này không giải quyết đầy đủ mọi mặt của vấn đề. Trước hết, các đảng chính trị đối lập với CHND Campuchia/Nhà nước Campuchia cho rằng một số lượng lớn người Việt đã được trao giấy căn cước Campuchia và vì vậy đã nhập tịch Campuchia. Nhận thức giữa hai chính phủ cho thấy quy trình này đã bị đảo ngược để xem nhóm người kể trên là công dân Việt Nam trở lại. Hay liệu có khả năng là những cáo buộc của Chính phủ Liên hiệp Campuchia Dân chủ không có căn cứ và rằng quá trình nhập tịch chỉ liên quan đến một số người rất ít? Thứ hai, số người Việt sống ở Campuchia trước thập niên 1970, một con số đáng kể nhưng không được tiết lộ chính xác, lại là công dân Campuchia. Nhận thức hiện thời giữa hai nước giả định không có hoặc chỉ một số ít người trở về Campuchia. Mặt khác, nếu

<sup>24</sup> Để biết thêm chi tiết, tham khảo Amer (1997, trang 82-91; 2006, trang 394-396).

<sup>25</sup> Về những diễn biến liên quan đến vấn đề biên giới, tham khảo Amer và Nguyen (2009: 54-59). Về quan hệ tổng thể, tham khảo Amer (2010) và Thayer (2012).

<sup>26</sup> Để biết thêm chi tiết, tham khảo Amer (2006, trang 392-400).

phần đông trong số họ trở về, hai nước sẽ phải giải quyết vấn đề làm cách nào xử lý địa vị và tư cách công dân Campuchia của họ.

Trong bối cảnh này, lập luận cần dựa trên quan điểm cho rằng những người Việt nào có thể tuyên bố một cách hợp pháp mình là công dân Campuchia đều cần được công nhận như vậy. Không nên hiểu là chỉ có người Việt từ trước thập niên 1970 mới có thể tuyên bố hợp pháp mình là công dân Campuchia.<sup>27</sup>

Liên quan đáng kể đến vấn đề quốc tịch là một nghiên cứu tình huống về người Việt ở tỉnh Kompong Chhnang giai đoạn 2008-2012 do Nguyen và Sperfeldt (2012) thực hiện. Họ nhận thấy Campuchia không xem người Việt là công dân Campuchia. Họ lưu ý rằng Việt Nam cũng không xem những người này là công dân Việt Nam (*điểm này mâu thuẫn với ý ở đoạn trên nhưng chúng tôi giữ nguyên văn của tác giả - NHD*) nhưng con đường nhập tịch vẫn tồn tại (Nguyen & Sperfeldt, 2012). Hai tác giả thận trọng đặt ra câu hỏi “liệu các thành viên của nhóm trọng tâm (mà họ phỏng vấn - NHD) có nên được xem là người không có quốc tịch hay không” (Nguyen & Sperfeldt, 2012, trang 96). Trên thực tế, làm giảm và ngăn ngừa tình trạng không có quốc tịch đối với tình hình người Việt tại Campuchia là một khía cạnh chủ chốt trong những khuyến nghị của hai tác giả này (Nguyen & Sperfeldt, 2012).

## Kết luận

Mối đe dọa trực tiếp đối với người Việt từng thể hiện rất rõ rệt trong thập niên 1990 dường như đã thu hẹp trong thập niên 2000. Điều này có thể xuất phát từ những chính sách của chính phủ liên hiệp Campuchia được thành lập sau cuộc tuyển cử năm 1998 cùng với quyết tâm đấu tranh chống phân biệt chủng tộc trong xã hội Campuchia do chính phủ tuyên bố. Điều này thể hiện một cách tiếp cận tích cực hơn từ phía chính phủ Campuchia nhằm bảo vệ các tộc người thiểu số; và vì người Việt là mục tiêu của nhiều vụ tấn công, họ sẽ được quan tâm nhiều nhất. Những chính sách này có tác động khả quan đối với tình hình người Việt ở Campuchia. Chúng cũng có thể đã đóng góp tích cực vào việc giảm bớt những cơn bùng phát tình cảm bài Việt trong dân chúng. Lập trường chống phân biệt chủng tộc được tuyên bố còn có thể được xem như là sự ủng hộ của chính phủ Campuchia đối với quan điểm coi mọi tộc người thiểu số là một phần của xã hội Campuchia. Tuy nhiên, việc chính phủ liên hiệp Campuchia đấu tranh chống phân biệt chủng tộc vẫn chưa đủ; quan trọng là sự kiểm chế của các đảng đối lập trong việc sử dụng luận

<sup>27</sup> Vấn đề quốc tịch được phân tích chi tiết bởi Nguyen và Sperfeldt (2012) và Ehrentraut (2011).

điều bài người Việt tại đất nước này. Có những dấu hiệu cho thấy cuộc vận động bầu cử năm 2003 ít mang tính bài Việt hơn, nhưng như đã kể trên, các đảng đối lập đã vận dụng luận điệu bài Việt và vẫn tồn tại các hoạt động chống người Việt (Albritton, 2004). Đáng chú ý là vào năm 2003, lãnh đạo đảng SRP Sam Rainsy đã mạnh mẽ bác bỏ các cáo buộc cho rằng ông là người bài Việt.<sup>28</sup> Điều cơ bản là khi chỉ trích Việt Nam, cả chính phủ và phe đối lập không liên hệ cộng đồng người Việt thiếu số với nhà nước Việt Nam, đặc biệt là khi quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng.

Vì nhu cầu phát triển tổng thể của Campuchia, mọi khu vực dân số phải được huy động trong một nỗ lực mang tính phối hợp. Luận điệu chống người Việt sẽ tạo ra tác động đối nghịch, khiến người Khmer chống lại người Việt, làm xã hội Campuchia bị chia rẽ. Trong bối cảnh này, giới tinh hoa Campuchia đóng vai trò trung tâm và then chốt trong việc tuyên truyền có lợi cho tinh thần hòa hợp dân tộc cũng như chống phân biệt chủng tộc. Khuynh hướng kể từ cuối những năm 1990 – được thể hiện trong lập trường của chính phủ Campuchia, trong phản ứng của phe đối lập trước các vụ tấn công bằng lựu đạn nhằm vào người Việt đầu năm 1999 cũng như trong lập trường công khai không chống đối người Việt của Sam Rainsy – là dấu hiệu cho thấy giới tinh hoa chính trị Campuchia có thể lựa chọn lập trường phản đối các vụ tấn công nhằm vào người Việt. Đây là một tiến triển quan trọng, khơi dậy hy vọng cho một tinh thần hòa hợp dân tộc ngày càng tăng tại Campuchia, cũng như một môi trường an ninh tốt hơn cho người Việt trong xã hội Campuchia. Thách thức đặt ra sẽ là phải củng cố các chính sách cũng như quan điểm này và thực hiện trên thực tế đến một mức độ mà ở đó tình trạng phân biệt đối xử đối với người Việt không còn được cho phép về mặt chính trị và sẽ giảm đáng kể trong xã hội Campuchia. Ngoài ra, các chính sách hướng đến việc hòa nhập sâu rộng hơn cộng đồng người Việt sẽ là một bước đi cần thiết khác, và một giải pháp phù hợp về vấn đề quốc tịch cũng là một điều quan trọng.

Để kết thúc, bài viết lập luận rằng mọi tiến triển đã có sẽ được thử thách xa hơn trong những giai đoạn xảy ra đua tranh cũng như căng thẳng chính trị trong nước, chẳng hạn như các cuộc tuyển cử trong tương lai và cả trường hợp quan hệ giữa Campuchia và Việt Nam tái diễn căng thẳng. Ngoài ra, vấn đề quốc tịch của người Việt cần phải được giải quyết. Tình trạng không có quốc tịch trên thực tế đẩy người Việt tại Campuchia vào hoàn cảnh dễ bị tổn thương, đồng thời làm họ mất đi các quyền và nghĩa vụ gắn liền với tư cách công dân.

---

<sup>28</sup> Tham khảo Amer (2006, trang 405), căn cứ vào việc kiểm tra thông tin trên website của đảng SRP (<http://www.samrainsyparty.org>). Để biết một phân tích thú vị về các chính sách của đảng SRP trong thập niên 1990, tham khảo Hughes (2001, trang 45-71).

## Tài liệu tham khảo

- Albritton, R. B. (2004). Cambodia in 2003: On the road to democratic consolidation. *Asian Survey*, 44(1), 102-109.
- Amer, R. (1990). The United Nations and Kampuchea: The issue of representation and its implications. *Bulletin of Concerned Asian Scholars*, 22(3), 52-60.
- . (1993). The United Nations' peacekeeping operation in Cambodia: Overview and assessment. *Contemporary Southeast Asia*, 15(2), 211-231.
- . (1994a). *The United Nations and foreign military interventions. A comparative study of the application of the charter* (2nd ed., Report No. 33). Uppsala: Department of Peace and Conflict Research, Uppsala University.
- . (1994b). The ethnic Vietnamese in Cambodia – A minority at risk? *Contemporary Southeast Asia*, 16(2), 210-238.
- . (1995). *Peace-keeping in a peace process: The case of Cambodia* (Report No. 40). Uppsala: Department of Peace and Conflict Research, Uppsala University.
- . (1997). The border conflicts between Cambodia and Vietnam. *Boundary and Security Bulletin*, 5(2), 80-91.
- . (2006). Cambodia's ethnic Vietnamese: Minority rights and domestic politics. *Asian Journal of Social Science*, 34(3), 388-409.
- . (2010). Cambodia and Vietnam: A troubled relationship. In N. Ganesan & R. Amer (Eds.), *International relations in Southeast Asia: Between bilateralism and multilateralism* (pp. 92-116). Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
- Amer, R., & Nguyen, H. T. (2009). Regional conflict management: Challenges of the border disputes of Cambodia, Laos, and Vietnam. *Austrian Journal of South-East Asian Studies*, 2(2), 53-80.
- Bertrand, D. (1998). Les Vietnamiens au Cambodge analyse des représentations et des conditions d'une integration. *Aséanie*,(2), 24-46.
- British Broadcasting Corporation. (1993). *Summary of world broadcasts, part three: Far East*. 1822 (18 October), S1/1-9.
- . (1994). *Summary of world broadcasts, part three: Far East*. 1963 (5 April), B/1-3.
- . (1995a). *Summary of world broadcasts, part three: Far East*. 2204 (18 January), B/2-3.
- . (1995b). *Summary of world broadcasts, part three: Far East*. 2205 (19 January), B/1-3.

- . (1995c). *Summary of world broadcasts, part three: Far East*. 2269 (4 April), B/4.
- . (1998). *Summary of world broadcasts, part three: Far East*. 3403 (7 December), B/1-2.
- Chandler, D. P. (1993). *A history of Cambodia* (2nd edition). St. Leonards, NSW: Allen & Unwin.
- Comte, M. (1976). Rapports de classes et relations inter-ethniques dans le Cambodge précolonial: à propos de "Notes sur les relations inter-ethniques au Cambodge du XIXe siècle". *Asie du Sud-Est et Monde Insulindien*, 7(1), 55-89.
- Ehrentraut, S. (2011). Perpetually temporary: Citizenship and ethnic Vietnamese in Cambodia. *Ethnic and Racial Studies*, 34(5), 779-798.
- Goldblum, C. (1974). Les relations inter-ethniques au Cambodge dans la presse Phnompenhoise de langue française (1963-1970). *Asie du Sud-Est et Monde Insulindien*, 5(3), 25-51.
- Grant, B. (1979). *The boat people: An "age" investigation with Bruce Grant*. Harmondsworth, Middlesex: Penguin Books.
- Hughes, C. (2001). Khmer land, Khmer soul: Sam Rainsy, populism, and the problem of seeing Cambodia. *South East Asia Research*, 5(1), 35-71.
- . (2007). International intervention and the people's will: The demoralization of democracy in Cambodia. In B. Kiernan (Ed.) & C. Hughes (consulting Ed.), *Conflict and change in Cambodia* (pp. 45-68). London and New York, NY: Routledge.
- . (2009). Cambodia in 2008: Consolidation in the midst of crisis. *Asian Survey*, 49(1), 206-212.
- Law on immigration. (1998). In *Laws of Cambodia 1993-1998. Adopted by the National Assembly of the Kingdom of Cambodia Volume II* (pp.113-129). Phnom Penh: The Cambodian Legal Resources Development Center.
- Law on nationality. (1998). In *Laws of Cambodia 1993-1998. Adopted by the National Assembly of the Kingdom of Cambodia Volume II* (pp.169-178). Phnom Penh: The Cambodian Legal Resources Development Center.
- Martin, M. A. (1984). Le processus de vietnamisation au Cambodge. *Politique Internationale*, (24), 177-191.
- Migozzi, J. (1973). *Cambodge faits et problèmes de population*. Paris: Éditions du Centre National de la Recherche Scientifique [Publishing of the National Centre for Scientific Research].
- Myers, B. (2002, July 6). Cambodia's ethnic Vietnamese continue to live in the shadow of discrimination and hatred. *The Cambodia Daily* [online]. Nguồn:

<http://www.cambodiadaily.com/magazine/cambodias-ethnic-vietnamese-continue-to-live-in-the-shadow-of-discrimination-and-hatred-699/>

- Nguyen, L., & Sperfeldt, C. (2012). *A boat without anchors: A report on the legal status of ethnic Vietnamese minority populations in Cambodia under domestic and international laws governing nationality and statelessness*. Cambodia: Jesuit Refugee Service. Nguồn: [http://jrscambodia.org/aboat\\_without\\_anchors.html](http://jrscambodia.org/aboat_without_anchors.html)
- Policy of the People's Republic of Kampuchea with regard to Vietnamese residents. (1983). Phnom Penh: Press Department, Ministry of Foreign Affairs.
- Pouvatchy, J. R. (1976). L'exode des vietnamiens du Cambodge en 1970 [Cuộc di cư của người Việt tại Campuchia năm 1970]. *Mondes Asiatiques*, (7), 339-349.
- . (1984). *The Vietnamisation of Cambodia* (ISIS Seminar Paper). Kuala Lumpur: Institute of Strategic and International Studies (ISIS) Malaysia.
- Seiff, A., & Channyda, C. (2013, February 14). Ethnic Vietnamese still adrift in Cambodia. *The Phnom Penh Post* [online]. Nguồn: <http://www.phnompenhpost.com/2013021461361/National/ethnic-vietnamese-still-adrift-in-cambodia.html>
- Tarr, C. M. (1992). The Vietnamese minority in Cambodia. *Race & Class*, 34(2), 33-47.
- Thayer, C. A. (2012). Cambodia and Vietnam: Good fences make good neighbours. In P. Sothirak, G. Wade, & M. Hong (Eds.), *Cambodia: Progress and challenges since 1991* (pp.62-77). Singapore: Institute of Southeast Asian Studies.
- Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. (1985). Hà Nội: Nhà xuất bản Ngoại ngữ.
- The Vietnamisation of Kampuchea: A new model of colonialism. (1984). *Indochina Report* (Pre-Publication Issue).
- Vickery, M. (1986). *Kampuchea: Politics, economics and society*. London and Boulder, CA: Frances Pinter Publishers and Lynne Rienner Publishers.
- Bộ Ngoại giao Việt Nam. (2009). Overseas Vietnamese committee delegation visits Cambodia. Nguồn: <http://www.mofa.gov.vn/en/nr040807104143/nr040807105001/ns090318092030/>
- . (2011a). OV association in Cambodia convenes congress. Nguồn: <http://www.mofa.gov.vn/en/nr040807104143/nr040807105001/ns110308150739/>
- . (2011b). Viet Nam, Cambodia issue joint statement. Nguồn: <http://www.mofa.gov.vn/en/nr040807104143/nr040807105001/ns111212111950/>
- . (2012a). VN leaders greet top Cambodian legislator. Nguồn: <http://www.mofa.gov.vn/en/nr040807104143/nr040807105001/ns120724093012/>

\_\_\_\_\_. (2012b). Leaders meet with Cambodian King. Nguồn: <http://www.mofa.gov.vn/en/nr040807104143/nr040807105001/ns120925092640/>

---

## **GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET**

---

### **Mục đích**

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### **Lý do ra đời**

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### **Hoạt động chính**

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế. Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đông đảo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com)